TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/DS-ST
Ngày: 20-6-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé;

2. Ông Trương Phước Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 447/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đay được viết tắt là D Bank); địa chỉ trụ sở chính: số A, đường P, Phường A, quận P, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L; chức vụ: Nhân viên D Bank – Phòng Giao dịch C; địa chỉ: số B, đường N, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 163/QĐ-DAB-HĐQT ngày 08/8/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị D Bank và văn bản ủy quyền ngày 26/12/2022 của Giám đốc D Bank – Phòng Giao dịch C); có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ xã N; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng*, D Bank – Phòng Giao dịch C và bà Nguyễn Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00716431/0131644001T18103 ngày 04/5/2018. Theo đó, Ngân hàng cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 04/5/2018 đến hết ngày 04/5/2019 với hình thức tín chấp có bảo lãnh; lãi suất vay trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn 15%/năm; phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi được bên vay trả góp liên tục 12 kỳ, bao gồm: 11 kỳ trả mỗi kỳ 1.840.000 đồng và kỳ cuối trả 1.760.000 đồng.

Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng giải ngân bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của bà T mở tại Ngân hàng vào ngày 04/5/2018 và bà T đã nhận đủ số tiền vay 20.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 03/11/2022, bà T đã trả cho Ngân hàng 16.030.000 đồng (gồm: nợ gốc 14.314.617 đồng, nợ lãi 1.715.383 đồng) rồi ngưng thanh toán từ ngày 21/5/2019 cho đến nay. Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 04/5/2019. Tính đến ngày 03/11/2022, bà T còn nợ lại Ngân hàng nợ gốc 5.685.383 đồng, nợ lãi trong hạn 284.617 đồng, nợ lãi quá hạn 3.577.000 đồng, phí thường niên duy trì thẻ 110.000 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng khoản nợ theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00690618/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 với số nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, phí thường niên duy trì thẻ tạm tính đến hết ngày 03/11/2022 là 9.657.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ còn lại theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 00690618/0131644001T18103 ngày 04/5/2018, từ ngày 04/11/2022 đến ngày thanh toán xong nợ. Trường hợp đến hạn trả nợ, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Đặng Văn N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 19/01/2023, Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn trả phí thường niên duy trì thẻ 110.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00716431/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 (bản photo); Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 09/4/2018 (bản photo); Giấy đề nghị chi vay góp qua tài khoản thẻ ngày 04/5/2018 (bản photo); Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 04/5/2018 (bản photo) và các giấy tờ khác có liên quan.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn N, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã N, bà Trần Thị Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, yêu cầu bà T trả cho D Bank nợ gốc 5.685.383 đồng, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 20/6/2023 gồm: nợ lãi trong hạn 284.617 đồng, nợ lãi quá hạn 4.520.198 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00716431/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 trên số dư nợ chưa thanh toán kể từ ngày 21/6/2023 cho đến khi thi hành án xong; rút lại một phần yêu cầu khởi kiện trả phí thường niên với số tiền 110.000 đồng. Trường hợp đến hạn trả nợ, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho D Bank thì ông N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn N, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã N, bà Trần Thị Ngọc T1 vắng mặt từ khi thụ lý vụ án cho đến nay. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã N, bà T1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp ngày 04/5/2018, giữa Ngân hàng với bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Ngân hàng đã giải ngân xong cho bà T với tổng số tiền 20.000.000 đồng và bà T đã nhận đủ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi hàng tháng theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20/6/2023 là 10.490.198 đồng (bao gồm: nợ gốc 5.685.383 đồng, nợ lãi trong hạn 284.617 đồng, nợ lãi quá hạn 4.520.198 đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Đặng Văn N tự nguyện bảo lãnh cho khoản vay của bà T. Trong trường hợp bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ đầy đủ thì ông N có nghĩa vụ trả nợ thay theo quy định tại các Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự.

Do phía Ngân hàng rút yêu cầu đối với số tiền phí thường niên 110.000 đồng nên cần đình chỉ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 335, 336, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của D Bank; buộc bà T có nghĩa vụ trả cho D Bank nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20/6/2023 là 10.490.198 đồng (bao gồm: nợ gốc 5.685.383 đồng, nợ lãi trong hạn 284.617 đồng, nợ lãi quá hạn 4.520.198 đồng), tiền lãi phát sinh từ ngày 21/6/2023 cho đến ngày bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà T không thực hiện đúng và đầy đủ thì ông Đặng Văn N phải trả nợ thay cho bà T. Đình chỉ đối với yêu cầu của D Bank đối với số tiền phí thường niên 110.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* D Bank khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả nợ vay. Bà T đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của D Bank thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở, bà T, ông N, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã N, bà T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã N, bà T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00716431/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 giữa D Bank – Phòng Giao dịch C với bà Nguyễn Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00716431/0131644001T18103 ngày 04/5/2018, bà T được D Bank giải ngân số tiền 20.000.000 đồng thông qua Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 04/5/2018. Sau khi vay, bà T có trả cho Ngân hàng được

16.030.000 đồng (gồm: nợ gốc 14.314.617 đồng, nợ lãi 1.715.383 đồng) rồi ngưng không thanh toán tiếp. Cho nên, bà T còn nợ D Bank nợ gốc 5.685.383 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 20/6/2023 là 4.804.815 đồng, trong đó, nợ lãi trong hạn 284.617 đồng và nợ lãi quá hạn 4.520.198 đồng.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu bà T trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 03/11/2022, phí thường niên duy trì thẻ là 9.657.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ còn lại theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00690618/0131644001T18103 ngày 04/5/2018, từ ngày 04/11/2022 đến ngày thanh toán xong nợ. Trường hợp đến hạn trả nợ, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Đặng Văn N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T.

Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Ngân hàng tự nguyện rút lại yêu cầu trả phí thường niên duy trì thẻ. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trả phí thường niên duy trì thẻ với số tiền 110.000 đồng theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu còn lại của Ngân hàng thấy rằng, do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên D Bank khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Về biện pháp bảo đảm, theo văn bản đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 09/4/2018 do bà T lập, ông N cam kết, trường hợp bà T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, ông N sẽ trả nợ thay cho D Bank cho đến khi hết nợ.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của D Bank; buộc bà T trả cho D Bank nợ gốc 5.685.383 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 20/6/2023 là 4.804.815 đồng, trong đó, nợ lãi trong hạn 284.617 đồng, nợ lãi quá hạn 4.520.198 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00716431/0131644001T18103 ngày 04/5/2018, kể từ ngày 21/6/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp đến hạn trả nợ, bà T không thực nghĩa vụ trả nợ cho D Bank thì ông N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T theo quy định tại các Điều 335, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho D Bank là 524.510 đồng.

D Bank không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho D Bank số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà D Bank đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 335, 342, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả phí thường niên duy trì thẻ với số tiền *110.000 (một trăm mười nghìn) đồng*.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ nợ gốc và nợ lãi của khoản vay như sau:

- Nợ lãi tính đến hết ngày 20/6/2023: *4.804.815 (bốn triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm mười lăm) đồng*, trong đó, nợ lãi trong hạn *284.617 (hai trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm mười bảy) đồng* và nợ lãi quá hạn *4.520.198 (bốn triệu, năm trăm hai mươi nghìn, một trăm chín mươi tám) đồng*;

- Nợ gốc: *5.685.383 (năm triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi ba) đồng* và tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00716431/0131644001T18103 ngày 04/5/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Phòng Giao dịch C và bà Nguyễn Thị T kể từ ngày 21/6/2023 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp đến hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đặng Văn N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thay cho bà Nguyễn Thị T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu *524.510 (năm trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm mười) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2022/0013042 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Văn N, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã N, bà Trần Thị Ngọc T1 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình